**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC CHỌN NGHỀ KẾ TOÁN CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**Tóm tắt**

*Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề kế toán của sinh viên là một đề tài thực sự cần thiết hiện nay. Mục đích của đề tài này là để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới việc chọn nghề kế toán của sinh viên đại học Duy Tân. Từ kết quả này cũng có thể được sử dụng để định hướng cho học sinh – sinh viên có cái nhìn đúng đắn trong chọn nghề nói chung và nghề kế toán nói riêng cũng như phát triển chiến lược tuyển sinh, đổi mới chương trình đào tạo phù hợp cho nhà trường đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội.*

***Từ khóa*:** nhân tố, chọn nghề, sinh viên, Đại học Duy Tân.

Trường đại học Duy Tân cũng như nhiều trường cao đẳng, đại học khác hiện đang phải đối mặt với công tác tuyển sinh nói chung và ngành kế toán nói riêng. Bởi vì, ngành kế toán, kiểm toán là một trong những ngành có số lượng sinh viên chuyển ngành nhiều và có tỷ lệ thất nghiệp cao hiện nay. Đứng trước thực trạng đang diễn ra đó, cũng như sự lựa chọn nghề của các sinh viên còn chưa phù hợp nên mục đích của đề tài này là để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề kế toán của sinh viên đại học Duy Tân. Việc nghiên cứu các ra các nhân tố nội tại bên trong và bên ngoài của các ảnh hưởng đến việc chọn nghề kế toán của sinh viên nhằm nâng cao năng lực định hướng nghề nghiệp, lựa chọn nghề của các bạn sinh viên hiệu quả là một yêu cầu cấp thiết hiện nay. Kết quả này cũng có thể được sử dụng để phát triển chiến lược tuyển sinh cũng như đổi mới chương trình đào tạo phù hợp của nhà trường đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội. Nghiên cứu đã thực hiện khảo sát đối với 300 sinh viên khoa kế toán của trường đại học Duy Tân từ năm 1 đến năm 4 bằng bảng câu hỏi trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 1 năm 2018.

**Cơ sở lý thuyết**

Qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu nhiều nguồn tài liệu khác nhau đối với các vấn đề liên quan đến đề tài. Vấn đề chọn nghề từ trước đến nay đã được nhiều tác giả đề cập đến dưới nhiều góc độ khác nhau.

Ở trên thế giới, Michael Borchert (1990) cho rằng trong ba nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề nghiệp là: Môi trường, cơ hội và đặc điểm cá nhân thì nhóm yếu tố đặc điểm cá nhân có ảnh hưởng quan trọng nhất đến sự chọn lựa nghề nghiệp của học sinh trung học. Còn MeiTang, WeiPan và Mark D. Newmeyer vận dụng mô hình Lý thuyết phát triển xã hội nghề nghiệp (Hackett & Ctg, 1994) khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học. Nghiên cứu này cho thấy các yếu tố như: kinh nghiệm học tập, khả năng tự đánh giá năng lực nghề nghiệp, các lợi ích và kết quả mong đợi trong quá trình phát triển nghề nghiệp có ảnh hưởng đến quyết định chọn nghề của học sinh trung học. Trong khi đó, Bromley H. Kniveton đã đưa ra kết luận: Cả nhà trường và gia đình đều có thể cung cấp những thông tin và hướng dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên. Còn ở Việt Nam, Tác giả Phan Tố Oanh (1996) đã chỉ ra hiệu quả của việc lựa chọn nghề của học sinh phụ thuộc vào 3 yếu tố: trên cơ sở *“Tam giác hướng nghiệp*” đó là:

* Nhận thức về thế giới nghề.
* Nhận thức về nhu cầu nghề của xã hội.
* Tư vấn nghề.

Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Đức Nghĩa (2004) – ĐHQG TP.HCM, đã đưa ra kết luận: Sinh viên thường chọn các ngành đang hoặc có thể phát triển trong xã hội, nhưng chưa quan tâm đến các ngành cần thiết cho sự phát triển của xã hội.... Một xu thế khác trong chọn ngành nghề của thí sinh là chọn những trường có điểm chuẩn trúng tuyển thấp trong kỳ tuyển sinh trước (để tăng cơ may trúng tuyển).

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực nghề nghiệp, xu hướng nghề nghiệp, hứng thú nghề nghiệp, nhận thức nghề, lựa chọn nghề ở trên thế giới và Việt Nam như: D.W.Chapman (1981), Hossler và Gallagher, Cabera và La Nasa, S.G.Washburn (2006), Morgan và Hart (1977), Nguyễn Ngọc Bích (1979), Trần Văn Quí, Cao Hào Thi, PGS.TS Nguyễn Văn Tài (2003)…. song chưa có đề tài nào đi sâu nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề kế toán.

Trên quan điểm kế thừa và tiếp tục phát triển những công trình nghiên cứu trên, nhóm sẽ tiếp tục nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề kế toán của sinh viên đại học Duy Tân. Trong định hướng nghiên cứu của nhóm, có 6 nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề kế toán: tự tin vào năng lực bản thân, các xung đột dự kiến, cơ hội nghề nghiệp, văn hóa, tố chất, sự áp đặt của người khác. Mô hình nghiên cứu lý thuyết được trình bày ở Hình 1 sau đây:

CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP (I3+)

VĂN HÓA (I4+)

TỐ CHẤT (I5+)

SỰ ÁP ĐẶT CỦA NGƯỜI KHÁC (I6+)

TỰ TIN VÀO NĂNG LỰC BẢN THÂN (I1+)

XUNG ĐỘT DỰ KIẾN (I2+)

*Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất*

* *Tự tin vào năng lực bản thân****:*** Theo lý thuyết của Bandura (1997) “Tự tin vào năng lực bản thân là nhận định của một cá nhân về đặc điểm tâm – sinh lý của mình đáp ứng yêu cầu của một công việc nhất định và đảm bảo cho công việc đó đạt kết quả”. Theo lý thuyết, có bốn nguồn để tự tin vào năng lực của bản thân: Trải nghiệm của bản thân; Sự học hỏi xã hội; Sự khích lệ của xã hội; Các trạng thái cảm xúc.
* *Các xung đột dự kiến:* Theo Weer Et Al (2006) định nghĩa xung đột dự kiến là nhận thức về xung đột tiềm năng hay các cản trở giữa công việc và vai trò của gia đình khi các sinh viên kế toán đi làm sau này. Yếu tố này được xác định là ảnh hưởng khi chọn nghề kế toán bởi Elloy và Smith (2003); Byune và pirce (2007). Nếu dự đoán được các xung đột dự kiến liên quan đến nghề nghiệp trong tương lai nhưng không có phương án giải quyết, có thể sinh viên sẽ không lựa chọn để trở thành kế toán.
* *Cơ hội nghề nghiệp:* Đây là những yếu tố thuận lợi cho sự phát triển nghề nghiệp của sinh viên khi đi làm như: cơ hội việc làm, thu nhập ngày càng cao, công việc ổn định, môi trường làm việc năng động và chuyên nghiệp (Felton et al, 1994 ; Tan và Laswad, 2006 ). Tuy nhiên, Jacking và Calero (2006) không cùng quan điểm trên.
* *Văn hóa****:*** Giá trị văn hóa theo Hofstede (1980), Khoảng cách quyền lực, Chủ nghĩa cá nhân, Sự tránh né những vấn đề chưa rõ, Sự nam tính, Định hướng dài hạn, Sự đam mê với kiềm chế. Theo đó, văn hóa Việt nam nghiên cứu bởi Broker (2013) thừa nhận các điểm số văn hóa Hofstede để áp dụng và kiểm tra mô hình văn hóa kế toán của gray nhằm đánh giá về sự phù hợp của kế toán Việt Nam khi hướng đến việc vận dụng IFRS.

Tại Việt Nam, Vũ Hữu Đức (1999, trang 23) có đề cập đến các quan điểm để đánh giá ảnh hưởng của văn hóa đến kế toán có thể được xem xét ở 2 quan điểm: Quan điểm của Geert Hofstede và quan điểm lịch sử, trong đó có đề cập: Văn hóa Việt Nam có khoảng cách quyền lực trung bình, chủ nghĩa tập thể, né tránh các vấn đề chưa rõ ràng và định hướng dài hạn.

* *Tố chất:* Myburgh (2005) khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn trở thành kế toán đối với các sinh viên năm nhất tại trường đại học Pretoria thì năng khiếu cũng như những lời khuyên và hướng dẫn của cha mẹ, người thân và các giáo viên có ảnh hưởng rất nhiều.

Sở thích là những hạt động thường xuyên hoặc theo thói quen để đem lại cho con người niêm vui, sự phấn khởi. Sở thích là yếu tố quyết định quan trọng để học sinh chọn nghề kế toán (Jackling và Kenerley, 2000; Law và Yuen, 2012). Tương tự như vậy, việc chọn nghề nghiệp kế toán được xác định là một yếu tố dự báo qua trọng (Jackling và Calero, 2006).

 *- Sự áp đặt của người khác*: Lời khuyên của các thành viên trong gia đình, người thân, giáo viên và bạn bè tác động đến ý định của học sinh lựa chọn ngành nghề kế toán (Tan và Laswad, 2006). Tương tự, Auyeung và Sands (1997), đã cho thấy rằng cha mẹ, giáo viên, cựu sinh viên, bạn bè sẽ ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên Châu Á vì ảnh hưởng của truyền thống văn hóa, các quyết định của họ chủ yếu và hướng về gia đình.

**Phương pháp nghiên cứu**

Để giải quyết được mục tiêu đề ra, nhóm sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp ( định tính kết hợp với định lượng). Theo đó, nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp hỗn hợp, bước tiếp cận đầu tiên là phương pháp tổng hợp, đánh giá, phân tích nghiên cứu các tài liệu cũng như các công trình nghiên cứu đi trước, nhằm nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới việc chọn nghề kế toán. Trong nghiên cứu này nhóm đã tiến hành phỏng vấn chuyên gia để chọn được các nhân tố ảnh hưởng tới mô hình và đánh giá sơ bộ thang đo lường thồng qua hệ số tin cậy Cronbach’alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy đa biến (MRA).

**Kết quả nghiên cứu**

***Kết quả nghiên cứu định tính***

**Bảng 1:Kết quả thống kê ý kiến đánh giá của các chuyên gia về Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề kế toán của sinh viên ĐH Duy Tân**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ký hiệu** | **Tên nhân tố** | **Đồng ý** | **Không đồng ý** | **Tổng cộng** |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
| 01 | TTNL | Tự tin năng lực | 15 | 75 | 5 | 25 | 20 | 100 |
| 02 | XĐDK | Xung đột dự kiến | 10 | 50 | 10 | 50 | 20 | 100 |
| 03 | CHNN | Cơ hội nghề nghiệp | 17 | 85 | 3 | 15 | 20 | 100 |
| 04 | VH | Văn hóa | 12 | 60 | 8 | 40 | 20 | 100 |
| 05 | TC | Tố chất | 18 | 90 | 2 | 10 | 20 | 100 |
| 06 | SAĐ | Sự áp đặt | 11 | 55 | 9 | 45 | 20 | 100 |

**Bảng 2: Kết quả thống kê ý kiến các chuyên gia về các tiêu chí đo lường đến chọn nghề kế toán của sinh viên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chỉ tiêu** | **Đồng ý** | **Không đồng ý** | **Tổng cộng** |
| **Số****lượng** | **Tỷ lệ****(%)** | **Số****lượng** | **Tỷ lệ****(%)** | **Số****lượng** | **Tỷ lệ****(%)** |
| 01 | Sự hài lòng với lựa chon nghề nghiệp là kế toán. | 19 | 95 | 1 | 5 | 20 | 100 |
| 02 | Nghề kế toán rất đúng với sở trường và năng lực của bản thân. | 17 | 85 | 3 | 15 | 20 | 100 |
| 03 | Mong muốn làm việc đúng chuyên ngành kế toán trong tương lai. | 15 | 75 | 5 | 25 | 20 | 100 |
| 04 | Quyết tâm theo đuổi nghề nghiệp dù có dự đoán các khó khăn và thách thức | 16 | 80 | 4 | 20 | 20 | 100 |

Kết quả thống kê từ khảo sát cho thấy, mức độ đồng ý về các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề kế toán đều đạt trên 50% trở lên, cụ thể:

Các ý kiến đồng ý với các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề kế toán được sắp xếp từ cao xuống thấp như sau: Tố chất, cơ hội nghề nghiệp, tự tin năng lực, văn hóa, sự áp đặt, xung đột dự kiến. Đối với tiêu chí đo lường đến lựa chọn nghề kế toán: đa số chuyên gia được khảo sát cho rằng cả 4 nhân tố bao gồm sự hài lòng với lựa chon nghề nghiệp là kế toán, nghề kế toán rất đúng với sở trường và năng lực của bản thân, mong muốn làm việc đúng chuyên ngành kế toán trong tương lai, quyết tâm theo đuổi nghề nghiệp dù có dự đoán các khó khăn và thách thức đều đo lường được quyết định đúng đắn khi lựa chọn nghề kế toán của sinh viên ĐH Duy Tân với mức đồng ý từ 75% trở lên.

Ngoài ra, các chuyên gia còn đề xuất thêm một số nhân tố khác có thể tác động tới việc lựa chọn ngành kế toán của sinh viên ĐH Duy Tân như sau: Lựa chọn nghề kế toán theo cảm tính, đặc điểm của trường học, tác động của những người xung quanh (thầy cô, bạn bè, …)

Tuy nhiên, các nhân tố mới được đề xuất này thì được ít sự đồng thuận của các chuyên gia nên nhóm quyết định không thêm vào trong mô hình nghiên cứu.

Như vậy, sau khi khảo sát định tính, ta thấy có 6 nhân tố ảnh hưởng tới việc lựa chọn nghề kế toán của sinh viên ĐH Duy Tân là: Tố chất, cơ hội nghề nghiệp, tự tin năng lực, văn hóa, sự áp đặt, xung đột dự kiến. Điều này phù hợp với đặc điểm của các sinh viên, ĐH Duy Tân và thực tế xã hội

***Kết quả nghiên cứu định lượng***

*Kết quả thang đo cronbach’alpha*

Kết quả Cronbach’alpha của thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề kế toán của sinh viên duy tân cho thấy tất cả các thành phần: tự tin năng lực (TTNL), xung đột dự kiến (XĐDK), cơ hội nghề nghiệp (CHNN), văn hóa (VH), tố chất (TC), sự áp đặt (SAĐ) đều có hệ số tin cậy Cronbach’Alpha đạt chuẩn cho phép phân tích nhân tố khám phá (lớn hơn 0.6). Tổng hợp kết quả thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề kế toán như trình bày ở Bảng 1 sau đây:

**Bảng 3: Kết quả kiểm định thang đo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thang đo** | **Trung bình thang đo nếu loại biến** | **Phương sai thang đo nếu loại biến** | **Tương quan biến tổng** | **Cronbach alpha nếu loại biến** |
| **TTNL - Tự tin năng lực, α = 0.826** |
| TTNL1-Có khả năng giải quyết những sự cố bất ngờ. | 9.87 | 4.455 | .663 | .777 |
| TTNL2- Có thể xử lý theo cách riêng bất cứ tình huống nào.

|  |
| --- |
|  |
| Có thể đưa ra giải pháp tốt để xử lý các tình huống khó. |

 | 9.89 | 4.388 | .686 | .765 |
| TTNL3- Có thể đưa ra giải pháp tốt để xử lý các tình huống khó. | 9.95 | 4.586 | .667 | .774 |
| TTNL4- Có thể bình tĩnh giải quyết mọi khó khăn. | 9.83 | 4.799 | .591 | .807 |
| **XĐDK - Xung đột dự kiến, α = 0.741** |
| XĐDK1-Có khả năng giải quyết khi chọn nghề khác ý muốn cha mẹ. | 10.83 | 4.815 | .514 | .694 |
| XĐDK2- Có thể hoàn thành trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm gia đình. | 10.58 | 1.860 | .585 | .655 |
| XĐDK3- Sẽ luôn cập nhật, học hỏi nâng cao kiến thức. | 10.49 | 4.692 | .590 | .650 |
| XĐDK4-Sẵn sàng từ bỏ những sở thích và nhu cầu giải trí để hoàn thành tốt công việc. | 10.70 | 5.126 | .454 | .727 |
| **CHNN - Cơ hội nghề nghiệp, α = 0.851** |
| CHNN1- Dễ kiếm việc làm | 10.11 | 5.044 | .708 | .804 |
| CHNN2-Có cơ hội làm việc ở nhiều lĩnh vực và ngành nghề. | 9.98 | 4.966 | .726 | .796 |
| CHNN3-Nhu cầu về nghề nghiệp của xã hội cao. | 10.07 | 5.299 | .698 | .809 |
| CHNN4-Có khả năng thăng tiến cao theo giời gian và kinh nghiệp làm việc. | 9.90 | 5.468 | .637 | .834 |
| **VH - Văn hóa, α = 0.813** |
| VH1-Được hỗ trợ tốt từ đồng nghiệp. | 10.44 | 4.475 | .639 | .761 |
| VH2-Môi trường làm việc hòa đồng thân thiện. | 10.25 | 4.482 | .645 | .758 |
| VH3-Tính liên kết trong cộng đồng nghề nghiệp cao. | 10.29 | 4.586 | .608 | .776 |
| VH4-Được bảo trợ bởi các tổ chức nghề nghiệp. | 10.40 | 4.582 | .632 | .765 |
| **TC - Tố chất, α = 0.719** |
| TC1-Bạn giỏi các môn học liên quan đến các con số. | 10.93 | 4.136 | .476 | .677 |
| TC2-Bạn là người cẩn thận và tỉ mỉ. | 10.82 | 3.856 | .553 | .629 |
| TC3-Bạn có thành tích công việc mang tính chất ổn định. | 10.80 | 4.243 | .549 | .638 |
| TC4-Bạn là một người trung thực. | 10.42 | 4.138 | .461 | .686 |
| **SAĐ - Sự áp đặt, α = 0.773** |
| SAĐ1-Chọn nghề theo ý kiến của bố mẹ. | 7.53 | 7.962 | .457 | .725 |
| SAĐ2-Chọn nghề theo ý kiến của bạn bè. | 8.20 | 6.485 | .701 | .652 |
| SAĐ3-Chọn nghề theo ý kiến của thầy cô. | 8.11 | 6.235 | .726 | .635 |
| SAĐ4-Chọn nghề theo truyền thống gia đình. | 8.07 | 6.780 | .550 | .732 |
| **LCN - Lựa chọn nghề kế toán, α = 0,887** |
| LCN1-Bạn hài lòng với lựa chon nghề nghiệp là kế toán. | 10.75 | 7.074 | .719 | .867 |
| LCN2-Nghề kế toán rất đúng với sở trường và năng lực của bản thân bạn. | 10.89 | 6.774 | .767 | .849 |
| LCN3-Mong muốn làm việc đúng chuyên ngành kế toán trong tương lai. | 10.63 | 6.496 | .759 | .852 |
| LCN4-Quyết tâm theo đuổi nghề nghiệp dù có dự đoán các khó khăn và thách thức. | 10.63 | 6.415 | .767 | .849 |

*Phân tích nhân tố khám phá (EFA)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | Component |
|  |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| VH3 | .757 |  |  |  |  |
| VH4 | .740 |  |  |  |  |
| VH2 | .651 |  |  |  |  |
| VH1 | .606 |  |  |  |  |
| XĐDK4 | .517 |  |  |  |  |
| TTNL3 |  | .770 |  |  |  |
| TTNL2 |  | .760 |  |  |  |
| TTNL1 |  | .692 |  |  |  |
| TTNL4 |  | .594 |  |  |  |
| XĐDK1 |  | .425 |  |  |  |
| CHNN1 |  |  | .803 |  |  |
| CHNN2 |  |  | .773 |  |  |
| CHNN3 |  |  | .657 |  |  |
| CHNN4 |  |  | .522 |  |  |
| TC2 |  |  |  | .745 |  |
| TC3 |  |  |  | .648 |  |
| TC1 |  |  |  | .646 |  |
| TC4 |  |  |  | .589 |  |
| SAĐ3 |  |  |  |  | .920 |
| SAĐ2 |  |  |  |  | .889 |
| SAĐ4 |  |  |  |  | .762 |

Kết quả phân tích EFA cho thấy 3 biến quan sát có khoảng cách tối thiểu các biến có hệ số tải chéo lên nhiều nhân tố <0.3 bao gồm: XĐDK2 - Có thể hoàn thành trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm gia đình, XĐDK3 - Sẽ luôn cập nhật, học hỏi nâng cao kiến thức, SAĐ1-Chọn nghề theo ý kiến của bố mẹ, do đó 3 biến quan sát này bị loại (Nguyễn Đình Thọ, 2010). Biến quan sát XĐDK1-Có khả năng giải quyết khi chọn nghề khác ý muốn cha mẹ hội tụ vào một nhân tố với biến TTNL\_tự tin năng lực và XĐDK4-Sẵn sàng từ bỏ những sở thích và nhu cầu giải trí để hoàn thành tốt công việc thì hội tụ vào cùng một nhân tố với biến VH\_văn hóa. Vậy chỉ còn 5 nhân tố với 22 biến ảnh hưởng tới việc lựa chọn nghề kế toán sau khi thự hiện EFA. Kết quả đánh giá lại thang đo sau khi phân tích nhân tố khám phá (EFA) các nhân tố ảnh hưởng tới việc chọn nghề kế toán cho thấy tất cả đều đạt tiêu chuẩn đo lường với các hệ số dùng để đánh giá gồm Factor loading ≥ 0.4, Eigen value = 1.073 (giá trị Eigen value ≥ 1), tổng phương sai trích (Cumulative) = 63.601% (Cumulative % ≥ 50%), 0.5 ≤ KMO ≤ 1, Bartlett’s Test có sig ≤ 0.05 nên được sử dụng để nghiên cứu tiếp (Hair và cộng sự, 2010). Kết quả cụ thể phân tích EFA như sau:

**Bảng 4: Ma trận nhân tố xoay (Rotated Component Matrix)**

*Phân tích hồi quy tuyến tính bội (MRA)*

Mô hình phân tích hồi quy mô tả hình thức của mối quan hệ giữa biến phụ thuộc với các biến độc lập, qua đó giúp dự đoán mức độ của biến phụ thuộc khi biết trước giá trị của biến độc lập.

Căn cứ mô hình điều chỉnh đã được hiệu chỉnh sau khi phân tích nhân tố khám phá, ta có mô hình hồi quy tuyến tính bội như sau: **Y= Β1\*TTNL + β2\*CHHT + β3\*TC + β4\*VH + β5\*SAĐ**

Trong đó:

- Biến phụ thuộc: “Chọn nghề kế toán” (Y)

- Biến độc lập: “Tự tin năng lự” (TTNL), “Cơ hội nghề nghiệp” (CHNN), “Tố chất” (TC), “Văn hóa” (VH), “Sự áp đặt” (SAĐ).

Ta có kết quả kiểm định tương quan từng phần của hệ số hồi quy:

**Bảng 5: Kiểm định tương quan từng phần của các hệ số hồi quy**

|  |
| --- |
| **Coefficientsa** |
| Model | Unstandardized Coefficients | Standardized Coefficients | t | Sig. | Collinearity Statistics |
| B | Std. Error | Beta | Tolerance | VIF |
| 1 | (Constant) | .107 | .226 |  | .473 | .000 |  |  |
| TTNL | .186 | .072 | .144 | 2.595 | .010 | .512 | 1.953 |
| CHNN | .263 | .066 | .231 | 3.965 | .000 | .466 | 1.145 |
| TC | .301 | .069 | .229 | 4.383 | .000 | .579 | 1.728 |
| SAĐ | .024 | .036 | .027 | .669 | .000 | .981 | 1.019 |
| VH | .339 | .076 | .268 | 4.474 | .000 | .440 | 1.271 |
|  |

Dựa vào bảng trên ta thấy:

- Cả 5 nhân tố đều có ý nghĩa thống kê

- Các chỉ tiêu nhân tử phóng địa phương sai (VIF) của các biến độc lập đều <2 nên hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình không đáng kể.

*Phương trình hồi quy bội được thể hiện dưới dạng sau:*

 **Y= 0.144 (Tự tin năng lực) + 0.231 (Cơ hội nghề nghiệp) + 0.268 (Văn hóa) + 0.229 (Tố chất) + 0.027 (Sự áp đặt)**

Kiểm định độ phù hợp của mô hình:

Kết quả kiểm định ANOVA với mức ý nghĩa sig = 0.000 cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính bội đã xây dựng phù hợp với dữ liệu đã thu thập.

Đánh giá mức độ giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình: Hệ số R2 (R Square = 0.536) cho thấy 53,6% sự thay đổi của biến phụ thuộc có thể được giải thích bởi mô hình. Ta có:

**Bảng 6: Kiểm định mức độ giải thích của mô hình (Model Summaryb)**

|  |
| --- |
| **Model Summaryb** |
| R Square | Adjusted R Square | Std. Error of the Estimate | Durbin-Watson |
| .536 | .528 | .58125 | 2.021 |

Từ kết quả ở Bảng 4, ta có 1 < d =2.021 < 3 như vậy ta có thể kết luận các phần dư là độc lập với nhau và tính độc lập của phần dư đã được bảo đảm. (Hoàng Trọng & Chu Mộng Ngọc, 2008)

**Kết luận và kiến nghị**

*Kết luận*

Thông qua việc tổng hợp cơ sở lý thuyết, nghiên cứu đã tổng hợp được 6 nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề kế toán của sinh viên đại học Duy Tân là: Tự tin năng lực, tố chất, cơ hội nghề nghiệp, sự áp đặt, văn hóa, xung đột dự kiến; với 24 biến quan sát.Bằng các kỹ thuật phân tích định lượng, các nhân tố theo khía cạnh tiếp cận khác nhau được tiếp tục xây dựng và phát triển đã loại các biến chưa phù hợp, còn lại gồm 22 biến độc lập, phân thành 5 thang đo. Kết quả phân tích EFA cho thấy mô hình nghiên cứu có 5 nhân tố ảnh hưởng, với tổng phương sai trích là 63.601% nghĩa là 5 nhân tố ảnh hưởng được 63.601% sự lựa chọn ngành kế toán của sinh viên đại học Duy Tân, còn lại 36.399% là do các nhân tố khác chưa được xem xét đến. Qua kết quả hồi quy chứng tỏ có sự ảnh hưởng của các nhân tố: tự tin năng lực, tố chất, cơ hội nghề nghiệp, văn hóa, sự áp đặt tới chọn nghề kế toán, trong đó “văn hóa” là có ảnh hưởng nhiều nhất (hệ số = 0.268)

*Kiến nghị*

Trong thực tế chúng ta luôn bị ràng buộc về nguồn lực nên không thể cùng lúc cải tiến được hàng loạt các nhân tố. Chúng ta cần ưu tiên quan tâm giải quyết các nhân tố quan trọng thông qua việc xác định thứ tự ưu tiên cần đầu tư giải quyết sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Dựa vào kết quả phân tích của đề tài, chúng ta xác định được nhân tố có mức độ quan trọng cao là văn hóa, tố chất và cơ hội nghề nghiệp. Các giải pháp đưa ra là:

*Thứ nhất*, “Văn hóa” có ảnh hưởng nhiều nhất (hệ số = 0.268) đến sự lựa chọn nghề kế toán. Đặc trưng văn hóa của Việt Nam là tính cộng đồng, né tránh rủi ro, tính thích ứng tốt và dễ chấp nhận… những điều này thể hiện trong doanh nghiệp mà mình làm việc như: xây dựng mối quan hệ đồng nghiệp vui vẻ, đoàn kết, gắn bó giúp đỡ lẫn nhau… đây là những đặc điểm về con người Việt Nam mang lại lợi thế cho việc chọn nghề kế toán. Người ta có nói học là phải đi đôi với hành do đó nhà trường nên chú trọng vào việc liên kết với các doanh nghiệp để cho sinh viên được trải nghiệm thực tế nhiều hơn để sinh viên hiểu rõ môi trường, đặc điểm và văn hóa làm việc của một kế toán thực thụ. Giúp cho sinh viên tránh bỡ ngỡ khi mới ra trường và đi làm. Văn hóa làm việc là yếu tố quyết định đến sự làm việc tích cực và lâu dài, do đó để xây dựng một nền “văn hóa” làm việc đẹp thì bản thân mỗi sinh viên ngành kế toán phải tự mình xây dựng các mối quan hệ dựa trên sự hòa đồng thân thiện, giúp đỡ mọi người xung quanh, làm việc có tâm hơn.

*Thứ hai*, “Cơ hội nghề nghiệp” (hệ số= 0.231). Cần tổ chức các buổi định hướng nghề nghiệp cho các bạn học sinh cuối cấp một cách đầy đủ và hiệu quả hơn về trường ĐH Duy Tân và ngành kế toán, để các bạn có thể hiểu rõ về bản chất, đặc điểm của nghề kế toán giúp cho họ có thể đưa ra được quyết định đúng đắn khi muốn theo nghề. Mặt khác, nhà trường cần phải đảm bảo về chất lượng giáo dục để ổn định đầu ra, mang nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên theo nghề kế toán. Bên cạnh đó giảng viên cần phải luôn cập nhật các thông tin về nghề kế toán mới nhất để phổ biến cho sinh viên, giúp cho sinh viên nắm bắt được thông tin để học và làm việc một cách chính xác, đúng chuẩn mực theo kịp xu thế công việc. Các giảng viên nên tổ chức thường xuyên các buổi ngoại khóa, dẫn sinh viên tới học hỏi kinh nghiệm thực tế tại các công ty. Sinh viên sau khi tốt nghiệp với nền tảng kiến thức kế toán vững chắc có thể trở thành kế toán viên, kiểm toán viên, người quản lý, chủ doanh nghiệp, ngân hàng…

*Thứ ba*, “Tố chất” (hệ số= 0.229). Khi quyết định lựa chọn nghề kế toán thì học sinh nên cân nhắc kỹ lưỡng để phù hợp với đặc điểm và khả năng của bản thân. Tránh trường hợp chọn sai nghành nghề rồi lại gây tốn kém về cả thời gian lẫn tài chính. Do đó, học sinh cuối cấp nên tự đánh giá bản thân thông qua các bảng trắc nghiệm nghề nghiệp như của Jonh Holland, để có quyết định lựa chọn nghề được tốt hơn. Chọn nghề theo đúng khả năng của bản thân sẽ giúp học sinh có động lực học tập cao hơn, đạt kết quả tốt hơn. Bên cạnh đó thì sinh viên sau khi đã quyết định lựa chọn nghề kế toán thì nên cố gắng học tập và tích lũy thêm nhiều kiến thức về ngành học. Rèn luyện những kỹ năng, tố chất cần thiết để trở thành một người kế toán. Điều đó giúp cho cơ hội có việc làm của sinh viên được gia tăng.

*Thứ tư*: “Tự tin vào năng lực” (hệ số = 0.144). Tin tưởng vào bản thân chính là sự khởi đầu tốt nhất cho mọi sự thành công trong cuộc sống nói chung và nghề kế toán nói riêng. Chỉ khi tin vào những việc đang theo đuổi, bạn mới có đủ sức mạnh để cố gắng và quyết tâm thực hiện giấc mơ đó tới cùng. Những yếu tố thường khiến các sinh viên đánh mất sự tự tin, như là: kém hiểu biết, thiếu kinh nghiệm, thái độ tiêu cực, suy nghĩ những điều không mong muốn… Do vậy, sự tự tin không có sẵn trong mỗi cá nhân mà phải một quá trình rèn luyện, các bạn sinh viên nên tránh các yếu tố làm mất đi sự tự tin bằng cách: Nhà trường cùng với gia đình nên giáo dục cho các bạn trẻ về kiến thức cuộc sống về chính bản thân người dạy, rồi mời các chuyên gia đào tạo truyền cảm hứng cho các bạn sinh viên để họ có một suy nghĩ tích cực hơn, sống vui vẽ hơn, biết đặt mục tiêu để phấn đấu vươn lên; Và cũng chính các bạn sinh viên tự rèn luyện sự tự tin vào năng lực bản thân để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, xã hội, gia đình, công việc và học tập để đạt được các thành công trong cuộc sống như đọc sách phát triển bản thân, hạt giống tâm hồn, xem các video đào tạo kỹ năng của các diễn giả uy tín nhưng cũng không ngừng nâng cao kiến thức chuyên ngành kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính và quản trị để có thể làm việc, phát triển sự nghiệp.

*Thứ năm*: “Sự áp đặt” (hệ số = 0.027). Không phải chỉ đến kỳ thi quan trọng, chuyện ngành nghề tương lai của con cái là vấn đề gây tranh cãi trong nhiều gia đình. Ở rất nhiều nhà, cha mẹ đã tìm cách trao đổi, định hướng cho con ngay từ khi mới bước vào bậc học phổ thông, ngược lại, thì có nhiều gia đình áp đặt nghề nghiệp của con cái họ theo quan điểm riêng. Thực tế cho thấy có không ít cha mẹ can thiệp trực tiếp vào cuộc sống của con, đưa ra những chọn lựa thay con và cho rằng đó là cách làm tốt nhất cho con mình. Lý giải điều này, nhiều người cho rằng mình là người đi trước, từng trải nhiều sẽ hiểu điều nào tốt cho con kiểu như “Rút kinh nghiệm đời bố, củng cố đời con” khi định hướng con theo khối ngành này mà không biết rằng khối ngành đó có thích hợp với con cái họ hay không? Mỗi nhà mỗi cảnh, lại có nhà, cha mẹ kỳ vọng vào con viết tiếp bước sự nghiệp mà họ đã cả đời xây dựng. Tuy nhiên, nếu mong muốn của cha mẹ khiến các bạn trẻ phải gồng mình làm điều không thích, vượt quá khả năng bản thân thì hậu quả sẽ thật tai hại. Có không ít trường hợp, con vì không muốn phụ lòng cha mẹ, ngoan ngoãn chọn trường như cha mẹ mong muốn nhưng quá trình học sau này chẳng hứng thú gì. Kết cục là kết quả học tệ hại, không theo kịp hoặc có nhiều bạn vì chán nản nên bỏ dở ngành học đó, quay trở lại ôn luyện thi vào trường khác, theo đuổi một sự nghiệp khác… Những bậc cha mẹ được đánh giá cao lại là những người chỉ mang tính định hướng cho con, còn lại con trẻ được quyền quyết định lựa chọn của mình. Họ chọn cách phân tích cho con hiểu đặc thù từng ngành nghề, còn lại lựa chọn là ở phía con trẻ. Họ chỉ đóng vai trò đi bên cạnh con, chỉ rõ những tốt xấu và sẵn sàng cho con trải nghiệm. Ngoài ra, các bạn học sinh, sinh viên nên tham khảo ý kiến của các người thân trong gia đình, bạn bè, anh chị, thầy cô và hội nghề nghiệp để có thể tập hợp được nhiều hệ quy chiếu khác nhau rồi tự đưa ra quyết định cho bản thân và cam kết với con đường mà họ đã lựa chọn.

**Tài liệu tham khảo**

**Tiếng Việt:**

1. Nguyễn Ngọc Bích (1979), *“Động cơ chọn nghề của thanh thiếu niên”*, Luận án Phó Tiến sĩ.
2. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (Đồng chủ biên), Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Hoàng Bá Thịnh (2008), *Xã hội học*, Nxb Thế Giới, Hà Nội.
3. Vũ Hữu Đức, (1999), *Phân tích các nhân tố tác động đến hệ thống kế toán tại các quốc gia để xác định phương hướng hòa nhạp với các thông lệ kế toán quốc tế của Việt Nam*. Chuyên đề, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM.
4. Nguyễn Văn Hộ (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Huyền (2006), *Hoạt động hướng nghiệp và giảng dạy kỹ thuật trong trường trung học phổ thông,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Khoa Tâm lý – Đại học Sư phạm Hà Nội, “*Giáo dục lao động và hướng nghiệp trong vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông”*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
6. Luật kế toán Việt Nam (2015), luật số: 88/2015/QH13.
7. Nguyễn Đức Nghĩa (2004), *“Một số nét về hiện trạng và kết quả đào tạo nguồn lực trình độ Đại học – Cao đẳng tại khu vực TP.HCM”,* ĐHQG TP.HCM.
8. Phan Tố Oanh (1996), “*Nghiên cứu nhận thức nghề và lựa chọn nghề của học sinh THPT”*, Luận án Tiến sĩ.
9. Trần Văn Quí, Cao Hào Thi (2009), *“Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông”*, Tạp chí phát triển KH&CN (số 15-2009), ĐHQG TP.HCM.
10. Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Ánh Hồng, Nguyễn Thanh Hằng, Lê Tuyết Ánh, Kim Thị Dung, Hoàng Công Thảo, Lê Thị Yên Di, Phạm Ngọc Lan (2003), *“Nghiên cứu một số yếu tố kinh tế - xã hội tác động đến hoạt động học tập và định hướng việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên ĐHQG TP.HCM”*, ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP.HCM.
11. Nguyễn Đình Thọ (2013), “*Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh”*, NXB Lao động Xã Hội, Hà Nội.
12. Phạm Huy Thụ (1996), Hoạt động Lao động – Hướng nghiệp của HS phổ thông Việt Nam, Trường Cán bộ quản lí giáo dục và đào tạo.
13. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán (2015), Thông tư số 70/2015/TT-BTC.
14. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), “*Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS”* NXB: Hồng Đức, HCM.

**Tiếng nước ngoài:**

1. Auyeung, P. and Sands, J. (1997), *“Factors influencing accounting studdent’ career choice*: a cross-cultural validation study”, *Accounting Education*, Vol.6 No.1, pp.13-23.
2. Borchert M (2002), “*Career choice factors of high school students”*, University of Wisconsin-Stout, USA.
3. Bromley H. Kniveton (2004), *Influences and motivation on which students base their choice of career*, Loughborough University, UK.
4. Bundy, P. and Norris, D., (1992), “What accounting students consider important in the job selection process”*, Journal of Applied Business Research: Laramie*, Vol. 8 No.2, pp. 1-6.
5. Chapman D. W (1981), A model of student college choice. The Journal of Higher Education, 52(5), pp.490-505.
6. Cilliers van Zyl Charl de Villiers, (2001), “Why some students choose to become chartered accountants (and others do not)”, *Meditari Accointancy Research*, Vol. 19, pp. 55-74.
7. De clercq, B. and Venter. J.M.P (2009), “Factors influencng a prospectivee chatered accountant’s level of financal literacy: an exploratory study”, *Meditari Accountancy Research*, Vol.17 No.2, pp. 47-60.

 Felton,S., Buhr, N. and Northey, M. (1994), “Factors influencing the business students’ choice off career in chartered accountancy”, *Issues In Accountants Education*, Vol.9 No.1, pp. 131-141.

1. Gul, F.A, Huang, A. and Subramaniam, N. (1992), “Cognitive style as a factor in accounting students’ perceptions of career choice factors”, *Pyschological Reports*, Vol. 71, pp. 1275-81.
2. Hofstede, 2001. *Culture’s Consequences: Comparing Values, Behaviors, Institutions, and Organizations across Nations*, 2 ed. Ed. Thousand Oaks, Lon don, New Delhi: Sage Publications.
3. IFAC (2011), “A Proposed Definition of Professional Accountant”, pp. 7.
4. Jackling,b. and Calero, C. (2006), “Influences on undergraduate students’ intentions to become quaified accountants: evidence from Australia”, *Accounting Eduacation: An International Journal, Vol*. 15 No.4, pp. 19-3.
5. Marvin J. Burns (2006), Factors influencing the college choice of african-ameracan students admitted to the college of agriculture, food and natural recources. A Thesis presented to the Faculty of the Graduate School. University of Missouri, USA.
6. Mei Tang, Wei Pan, Mark D. Newmeyer (2008), “*Factors influencing High School student’s career aspriations”*, University of Cincinnati, USA.
7. Myburgh, J.E. (2005), “An empirical analysis of career choice facrs that influence first-year accounting students at the University of Pretoria: a cross-racial study”, *Meditari Accounting Research*, Vol. 13 No.2, pp. 35-48.
8. Nunnally J, Bernstein L. Psychometric theory. New York: McGraw-Hill Higher, INC; 1994.
9. Paolillo, J.P. and Estes, R.W. (1982), “An empirical analysis of carer choice factors among accountants, attorneys, engineers, and physicians”, *The Accounting Review*, Vol. 57 No, 4, pp. 87-93.